

# THE RELATIONSHIP BETWEEN ROLE OVERLOAD, MARITAL SATISFACTION, AND THE LEVEL OF DEPRESSIVE SYMPTOMS IN FIRST-TIME MOTHERS

Phan Minh Hien<sup>1\*</sup>, Tri Thi Minh Thuy<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Le Van Thinh Hospital – 130 Le Van Thinh, Binh Trung Tay Ward, Thu Duc City, HCMC, Vietnam

<sup>2</sup>University of Social Sciences and Humanities, Viet Nam National University Ho Chi Minh City – 10-12 Dinh Tien Hoang, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 26/06/2024

Revised: 08/07/2024; Accepted: 15/07/2024

## ABSTRACT

**Objective:** This research aims to investigate the relationship between role overload, marital satisfaction, and the level of depressive symptoms, with role overload being considered as a moderating factor in the relationship between marital satisfaction and the level of depressive symptoms, especially in first-time mothers.

**Methods:** The study was conducted using both direct and online surveys with participants being 148 married women who had children aged 6 to 24 months and primarily residing in Ho Chi Minh City and some provinces in Vietnam.

**Results:** The results of the analysis revealed two inverse relationships: The role overload ( $r = -0.440, p < 0.001$ ) and the level of depressive symptoms ( $r = -0.395, p < 0.001$ ) tend to increase as marital satisfaction decreases. Additionally, the study identified a positive correlation between role overload and the level of depressive symptoms ( $r = 0.546, p < 0.001$ ). However, the research did not have a demonstrate the role overload factor the moderating effect ( $p > 0.005$ ).

**Conclusion:** The study suggests examining cultural and living context factors for women transitioning into motherhood in the typical collective culture of Vietnam. This might include factors related to perspectives on the mother's role, and support from extended family members.

**Keywords:** First-time mothers, role overload, marital satisfaction, depressive symptoms.

---

\*Corresponding author

Email address: Phanhien776@gmail.com

Phone number: (+84) 364415466

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD6.1391>



# MỐI QUAN HỆ CỦA QUÁ TẢI VAI TRÒ, ĐỘ HÀI LÒNG TRONG HÔN NHÂN VÀ MỨC ĐỘ BIỂU HIỆN TRẦM CẢM Ở NHỮNG NGƯỜI LẦN ĐẦU LÀM MẸ

Phan Minh Hien<sup>1\*</sup>, Tri Thi Minh Thuy<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Bệnh viện Lê Văn Thịnh – 130 Lê Văn Thịnh, Phường Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
<sup>2</sup>Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM – 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Ngày nhận bài: 26/06/2024

Chỉnh sửa ngày: 08/07/2024; Ngày duyệt đăng: 15/07/2024

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Nghiên cứu tìm hiểu mối quan hệ của quá tải vai trò, độ hài lòng trong hôn nhân và mức độ biểu hiện trầm cảm; trong đó quá tải vai trò được xem là yếu tố điều tiết mối quan hệ giữa độ hài lòng trong hôn nhân và mức độ biểu hiện trầm cảm ở những người lần đầu làm mẹ.

**Phương pháp nghiên cứu:** Khảo sát bằng hai hình thức trực tiếp và trực tuyến trên 148 những người phụ nữ đã kết hôn và có con trong độ tuổi từ 6 – 24 tháng chủ yếu sống tại Thành phố Hồ Chí Minh và một vài tỉnh thành ở Việt Nam.

**Kết quả:** Phân tích cho thấy có hai mối quan hệ nghịch đó là khi độ hài lòng trong hôn nhân càng giảm thì quá tải vai trò ( $r = -0.440, p < 0.001$ ) và mức độ biểu hiện trầm cảm ( $r = -0.395, p < 0.001$ ) càng tăng cao. Bên cạnh đó, đề tài còn phân tích được mối quan hệ thuận giữa quá tải vai trò và mức độ biểu hiện trầm cảm ( $r = 0.546, p < 0.001$ ). Tuy nhiên, nghiên cứu không chứng minh được tác động điều tiết của yếu tố quá tải vai trò ( $p > 0.005$ ).

**Kết luận:** Nghiên cứu đề xuất xem xét các yếu tố văn hóa và bối cảnh sinh sống của những người phụ nữ trong giai đoạn chuyển đổi sang làm mẹ trong nền văn hóa tập thể điển hình là Việt Nam (ví dụ quan điểm về vai trò làm mẹ, sự hỗ trợ từ ông bà).

**Từ khóa:** Lần đầu làm mẹ, quá tải vai trò, độ hài lòng trong hôn nhân, biểu hiện trầm cảm.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quá trình chuyển đổi sang làm cha mẹ là một trải nghiệm đầy biến đổi, được đánh dấu bằng việc mang thai, hoặc thậm chí trước đó khi đôi vợ chồng có kế hoạch mang thai lần đầu tiên và kéo dài vài năm sau khi sinh con. Sự chuyển đổi này kéo theo những thay đổi về nội tiết tố và sự dẻo dai của thần kinh cũng như những thay đổi trong quan niệm về bản thân, vai trò xã hội và thói quen hàng ngày [1].

Đối với những người phụ nữ lần đầu có con thì sự ra đời của thành viên mới trong gia đình kéo theo hàng loạt các kỳ vọng và trách nhiệm mới xuất hiện, đặc biệt là việc chăm sóc một em bé sơ sinh đòi hỏi nhiều thời gian và

công sức đến mức nó được coi là một dự án toàn thời gian [2]. Những người mới làm mẹ có thể cảm thấy đặc biệt choáng ngợp và quá tải vai trò khi họ cần phải giải quyết các nhu cầu của công việc, các nhiệm vụ gia đình và chăm sóc con cái [3]. Nhiều cá nhân trải qua giai đoạn trầm cảm trong thời kỳ hậu sản với tỷ lệ trầm cảm sau sinh ở các bà mẹ khoảng từ 13% - 14% [4]. Nhiều nghiên cứu cho thấy là trầm cảm xuất hiện ở cả nam và nữ ở các nền văn hóa khác nhau, không phân biệt tầng lớp xã hội hay trình độ học vấn [5]. Liên quan đến các biểu hiện trầm cảm, những người vợ còn báo cáo sự giảm mức độ hài lòng của họ với bạn đời trong những tháng sau khi sinh con. Bên cạnh đó, rất nhiều nghiên cứu hiện nay mang đến bằng chứng cho thấy một trong

\*Tác giả liên hệ

Email: Phanhien776@gmail.com

Điện thoại: (+84) 364415466

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD6.1391>

những yếu tố được xem là chỉ báo quan trọng ảnh hưởng đến mức độ biểu hiện trầm cảm ở những người lần đầu làm mẹ là độ hài lòng trong mối quan hệ hôn nhân [6]. Vậy nên, mục tiêu của nghiên cứu này chính là tìm hiểu về mối quan hệ của quá tải vai trò, độ hài lòng trong hôn nhân và mức độ biểu hiện trầm cảm ở những người lần đầu làm mẹ; trong đó quá tải vai trò được xem là yếu tố điều tiết mối quan hệ giữa độ hài lòng trong hôn nhân và mức độ biểu hiện trầm cảm.

## LÝ THUYẾT HỆ THỐNG GIA ĐÌNH

Hai tác giả là Carolyn Pape Cowan và Philip A. Cowan đã bắt đầu tìm hiểu, nghiên cứu về quá trình chuyển đổi sang làm cha mẹ ngay từ thập niên 1980 cho đến thời điểm hiện tại. Giai đoạn chuyển đổi này sẽ liên quan đến việc tái tổ chức danh tính cá nhân, thế giới nội tâm, vai trò xã hội và các mối quan hệ thân thiết. Lý thuyết hệ thống cho rằng quá trình chuyển đổi có thể khiến các vai trò sẽ thay đổi theo những cách khác nhau—bằng cách sẽ cộng thêm các vai trò (ví dụ: Trở thành cha mẹ), hoặc giảm vai trò (ví dụ: Trở thành góa phụ) hoặc sửa đổi các vai trò (ví dụ: Phân loại lại công việc). Sự thay đổi trong thế giới nội tâm và bản sắc của một người cũng như việc tổ chức lại các vai trò chính trong cuộc sống gần như chắc chắn đi kèm với sự mất cân bằng trong các mối quan hệ trung tâm của một người trong và ngoài gia đình. Hai tác giả đã đặc biệt đề cập về một phát hiện nhất quán trong việc sinh con đầu lòng có thể mang đến sự thay đổi đáng lo ngại trong mối quan hệ vợ chồng đó là giảm độ hài lòng trong mối quan hệ hôn nhân của họ. Mặt khác, việc tăng thêm một vai trò ở cặp đôi cũng sẽ tác động rất lớn đến những thay đổi về nội tâm (cảm xúc, ý thức về bản sắc cá nhân...) ở những người phụ nữ, thậm chí đôi khi khiến các cá nhân xuất hiện các biểu hiện của trầm cảm/lo âu. Các yếu tố này sẽ xung đột với nhau bên trong hệ thống gia đình, thậm chí còn tạo nên sự xung đột hoặc gây quá tải với các vai trò bên ngoài hệ thống (ví dụ: Vai trò trong công việc) khi họ phải đối diện với thử thách dàn xếp các trách nhiệm và cân bằng thời gian để hoàn thành các nhiệm vụ mà các trách nhiệm mang lại [1].

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thiết kế nghiên cứu

Thiết kế cắt ngang – mô tả.

### 2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu kéo dài từ tháng 11/2022 đến tháng 11/2023 tập trung chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh và một vài tỉnh thành ở Việt Nam.

### 2.3. Đối tượng nghiên cứu

Mối quan hệ của quá tải vai trò, độ hài lòng trong hôn nhân và mức độ biểu hiện trầm cảm ở những người lần đầu làm mẹ; trong đó quá tải vai trò được xem là yếu tố

điều tiết mối quan hệ giữa độ hài lòng trong hôn nhân và mức độ biểu hiện trầm cảm.

### 2.4. Chọn mẫu

Sử dụng phần mềm G – Power để tính cỡ mẫu và các khách thể được chọn theo phương pháp phi xác suất “thuận tiện” và “hạn ngạch”. Thu thập mẫu bằng hai dạng hình thức đó là lấy mẫu trực tiếp và trực tuyến, đa phần bộ công cụ sẽ được gửi đến những người dễ tiếp cận và mạng lưới quen biết của nhà nghiên cứu. Với hình thức trực tuyến, sử dụng giao diện Google Form để hình thành bộ công cụ và sẽ mời các khách thể tham gia nghiên cứu thông qua các phương tiện truyền thông như Facebook và Zalo. Với hình thức trực tiếp, nguồn khách thể chủ yếu từ các trường mầm non và bệnh viện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu khảo sát 148 những người phụ nữ Việt Nam trưởng thành, đủ sức khỏe, tuổi từ 18 trở lên, đã kết hôn và lần đầu làm mẹ có con trong độ tuổi từ 06 tháng – 24 tháng. Loại trừ những khách thể nghiên cứu có mắc các bệnh lý thể chất/tâm thần, hoặc không đồng ý tham gia hoặc đang trong quá trình khảo sát mà họ không muốn tiếp tục hợp tác.

### 2.5. Công cụ

Bộ công cụ tự điền bao gồm 4 phần:

**Phần A:** Thông tin chung bao gồm các biến nhân khẩu (độ tuổi, trình độ học vấn, độ dài mối quan hệ)

**Phần B:** Thang đo quá tải vai trò (ROS) được Reilly phát triển năm 1982. ROS là một bảng câu hỏi tự báo cáo trên thang điểm kiểu Likert 5 điểm: Từ 1 (rất không đồng ý) đến 5 (rất đồng ý), bao gồm 13 mục đánh giá mức độ cảm thấy của các cá nhân bị choáng ngợp bởi trách nhiệm và thiếu thời gian cho bản thân. Reilly đã báo cáo Cronbach's alpha là 0,88. Ngoài ra, trong một nghiên cứu về phụ nữ đã kết hôn, Perry-Jenkins và cộng sự (1992) đã báo cáo Cronbach's alpha là 0,89 [7]. Trong nghiên cứu này thì Cronbach's alpha là 0,907.

**Phần C:** Bảng hỏi về mối quan hệ (RQ) được Barbara Figueiredo phát triển 2008 gồm 12 mục và được chia thành 2 tiểu mục tương tác tích cực (8 mục – 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8 và 9) và tương tác tiêu cực (4 mục – 5, 10, 11, 12). Tiểu mục tương tác tích cực bao gồm cảm giác được hỗ trợ và chăm sóc, tình cảm, sự gần gũi và các hoạt động và sở thích chung. Tiểu mục tương tác tiêu cực bao gồm cấu kình, tranh luận và chỉ trích. Bảng hỏi cũng đã cho thấy độ tin cậy tốt với Cronbach's alpha là 0,79 cho thang đo tổng, 0,90 cho tiểu mục tích cực và 0,72 cho tiểu mục tiêu cực [6]. Trong nghiên cứu này thì Cronbach's alpha là 0,803.

**Phần D:** Thang đo trầm cảm sau sinh (EPDS) được J.Cox và cộng sự xây dựng năm 1987. Đây là một bảng câu hỏi tự báo cáo trên thang điểm kiểu Likert 4 điểm: Từ 0 (không bao giờ) đến 3 (hầu hết mọi lúc), bao gồm

10 mục để tìm hiểu các biểu hiện trầm cảm ở các phụ nữ đang mang thai và sau sinh trong vòng bảy ngày trước đó; ví dụ tâm trạng phiền muộn, cảm giác có lỗi, lo âu và các ý tưởng tự sát. Cronbach's alpha nằm trong khoảng từ 0,78 đến 0,88 cho mẹ (và cha) [6]. Năm 2011, Trần Tuấn đã báo cáo kết quả của độ tin cậy nội bộ Cronbach's alpha cho EPDS là 0,75 khi thực hiện tại Việt Nam [8]. Trong nghiên cứu này thì Cronbach's alpha là 0,865.

## 2.6. Xử lý và phân tích số liệu

Sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 25.0 và ứng dụng Macro Process trên SPSS. Bước đầu tiên, nhà nghiên cứu kiểm tra các thang đo bằng cách phân tích Cronbach's Alpha, sau đó thực hiện thống kê mô tả đặc điểm mẫu. Phân tích mối quan hệ giữa quá tải vai trò, độ hài lòng trong hôn nhân và mức độ biểu hiện trầm cảm thì nhà nghiên cứu sử dụng phân tích tương quan Pearson. Cuối cùng, để kiểm tra vai trò của biến điều tiết là quá

tải vai trò trong nghiên cứu này, nhà nghiên cứu sử dụng phân tích mô hình điều tiết đơn giản bằng hồi quy tuyến tính [11].

## 2.7. Đạo đức nghiên cứu

Khách thể tham gia được giải thích rõ ràng về mục đích của nghiên cứu và có quyền từ chối tham gia trả lời bảng hỏi. Trong quá trình thực hiện, khách thể có quyền không trả lời bất cứ câu hỏi nào mà không muốn trả lời cũng như có quyền được dừng phỏng vấn giữa chừng. Các thông tin cá nhân hoàn toàn được bảo mật và chỉ sử dụng cho việc nghiên cứu. Ngoài ra, nhà nghiên cứu đã liên hệ đến các cơ sở chăm sóc sức khỏe tinh thần trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhằm chuyển gửi kịp thời các trường hợp khách thể bị kích hoạt những vấn đề khó khăn khi đọc và thực hiện khảo sát.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Bảng 1. Sơ lược về khách thể nghiên cứu**

	N	%	Mean	SD
<b>Tuổi</b>			28,09	4,429
<b>Trình độ học vấn</b>				
Dưới tiểu học	0	0		
Tiểu học	1	0,7		
Trung học cơ sở	12	8,1		
Trung học phổ thông	21	14,2		
Trên trung học phổ thông	114	77		
<b>Thời gian mối quan hệ (năm)</b>			4,74	3,201
<b>Cảm nhận về cuộc sống vợ chồng</b>				
Chồng là trụ cột kinh tế			3,64	1,326
Hài lòng về mối quan hệ vợ chồng			4,46	0,836
Có người khác hỗ trợ chăm con			3,98	1,454

Trong tổng số lượng khách thể tham gia nghiên cứu thì tuổi trung bình mà phụ nữ mang thai lần đầu là dưới 30 tuổi ( $M = 28,09$ ,  $SD = 4,429$ ), bên cạnh đó trình độ học vấn trên trung học phổ thông chiếm ưu thế vượt trội với 77% và khoảng thời gian trung bình gắn bó mỗi quan hệ của cặp đôi là trên 4 năm ( $M = 4,74$ ,  $SD = 3,201$ ). Nhìn chung trong giai đoạn chuyển đổi sang làm mẹ thì nhóm khách thể này khá hài lòng về mối quan hệ vợ chồng ( $M = 4,46$ ,  $SD = 0,836$ ), ngoài ra thì trung

bình những người chồng cũng đảm nhiệm vai trò trụ cột kinh tế chính ( $M = 3,64$ ,  $SD = 1,326$ ) và đa số các cặp vợ chồng đều có sự hỗ trợ của những người khác ( $M = 3,98$ ,  $SD = 1,454$ ).

Sử dụng kiểm định tương quan Pearson's r để tìm hiểu mối liên hệ giữa quá tải vai trò, mức độ hài lòng trong hôn nhân và mức độ biểu hiện trầm cảm.

**Bảng 2. Mối quan hệ giữa quá tải vai trò, mức độ hài lòng trong hôn nhân và mức độ biểu hiện trầm cảm**

	Quá tải vai trò	Độ hài lòng trong hôn nhân	Mức độ biểu hiện trầm cảm
Quá tải vai trò	1	-0,440**	0,546**
Độ hài lòng trong hôn nhân		1	-0,395**
Mức độ biểu hiện trầm cảm			1

Ghi chú: \*\*. Tương quan có ý nghĩa ở mức độ 0,01 (2 đuôi)

Phân tích cho thấy có hai mối quan hệ nghịch đó là khi độ hài lòng trong hôn nhân càng giảm thì quá tải vai trò ( $r = -0,440$ ,  $p < 0,001$ ) và mức độ biểu hiện trầm cảm ( $r = -0,395$ ,  $p < 0,001$ ) càng tăng cao. Bên cạnh đó, đề tài còn phân tích được mối quan hệ thuận giữa quá tải vai trò và mức độ biểu hiện trầm cảm ( $r = 0,546$ ,  $p < 0,001$ ).

Mô hình điều tiết đơn giản được sử dụng [9] để kiểm tra yếu tố điều tiết của quá tải vai trò trong mối quan hệ giữa mức độ hài lòng trong hôn nhân với mức độ biểu hiện trầm cảm ở những người lần đầu làm mẹ.

**Bảng 3. Mô hình điều tiết với dữ liệu của quá tải vai trò gốc**

	Coeff	SE	t	p
constant	8,895	0,425	20,928	0
RQ	-0,212	0,094	-2,256	0,026
ROS	0,23	0,037	6,148	0
ROS*RQ	-0,007	0,008	-0,957	0,34

Ghi chú: RQ là độ hài lòng trong hôn nhân; ROS là quá tải vai trò

Sau khi kiểm định với dữ liệu của quá tải vai trò gốc cho thấy kết quả không có ý nghĩa thống kê ( $p = 0,340$ ) thì nhà nghiên cứu tiến hành cắt dữ liệu, đầu tiên là chia

đôi (bao gồm điểm dưới 36 và trên 36) và sau đó là chia bốn gồm 4 nhóm điểm (nhóm 1: 15-26, nhóm 2: 27-39, nhóm 3: 40-51, nhóm 4: 52-65).

**Bảng 4. Mô hình điều tiết với dữ liệu của quá tải vai trò đã được cắt**

	Dữ liệu cắt đôi				Dữ liệu cắt bốn			
	Coeff	SE	t	p	Coeff	SE	t	p
constant	2,094	1,307	1,602	0,111	8,853	0,433	20,467	0
RQ	-0,122	0,303	-0,402	0,688	-0,25	0,095	-2,632	0,009
ROS	4,782	0,858	5,573	0	2,57	0,481	5,348	0
ROS*RQ	-0,101	0,184	-0,55	0,583	-0,12	0,099	-1,214	0,227

Ghi chú: RQ là độ hài lòng trong hôn nhân; ROS là quá tải vai trò

Từ bảng 3 và bảng 4 có thể thấy kết quả trong cả ba trường hợp thì quá tải vai trò đều không có tác dụng điều tiết mối quan hệ giữa mức độ hài lòng trong hôn nhân và mức độ biểu hiện trầm cảm ở những người lần đầu làm mẹ ( $p = 0,340$ ,  $p = 0,583$  và  $p = 0,227$ ).

#### 4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu này không có gì đáng ngạc nhiên mà một phần nó bổ sung thêm cho các nghiên cứu về giai đoạn chuyển đổi sang làm mẹ trong bối cảnh văn hóa Việt Nam bởi vì nó đồng nhất với lịch sử nghiên



cứu hiện tại trên thế giới.

Đầu tiên, mức độ hài lòng trong hôn nhân có tương quan nghịch đến mức độ biểu hiện trầm cảm đã được tìm thấy trong rất nhiều tài liệu khác nhau, ví dụ trong nghiên cứu của Figueiredo và cộng sự (2018) cũng nêu rằng có mối quan hệ giữa các yếu tố về tâm trạng chán nản và mối quan hệ bạn đời, nhất là đối với các bà mẹ [6]. Ngoài ra, Norhayati, Hussain, Asrenee, and Emilin (2015) đã thực hiện một nghiên cứu tổng hợp từ năm 2005 đến năm 2014 về các yếu tố liên quan đến biểu hiện trầm cảm, trong đó có mối quan hệ không tốt với người bạn đời [10]. Kế tiếp, đề tài đã kế thừa được các kết quả nghiên cứu trước đây về yếu tố quá tải vai trò có liên quan đến việc làm giảm sự hài lòng cả trong gia đình và công việc [7]. Cuối cùng, quá tải vai trò có tương quan thuận đến mức độ biểu hiện trầm cảm là phát hiện nhất quán với những tài liệu được công bố trên thế giới. Từ năm 1975 thì tác giả Pearlin đã đưa ra kết quả rằng “quá tải công việc nhà” làm tăng khả năng trầm cảm ở những người phụ nữ đã kết hôn và có việc làm. Nghiên cứu của Glynn và cộng sự (2009) nhấn mạnh thêm tình trạng quá tải vai trò và sức khỏe tâm thần ở phụ nữ cũng cho thấy đây là 2 yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ [11].

Không có bằng chứng nào cho thấy rằng quá tải vai trò điều tiết cho mối quan hệ giữa độ hài lòng trong hôn nhân và mức độ biểu hiện trầm cảm ở những người mới làm mẹ. Khi tham khảo thêm các nghiên cứu về điều tiết thì các tác giả thường thu thập lượng mẫu trung bình gần 200 khách thể trở lên. Bên cạnh đó thì thiết kế nghiên cứu đa phần là cắt dọc đã giúp cho các nghiên cứu có được một bức tranh tổng quát hơn liên quan đến những thay đổi về độ hài lòng trong hôn nhân và các biểu hiện trầm cảm. Ví dụ nghiên cứu của Vento và Cobb năm 2011 đã thực hiện một nghiên cứu kéo dài 2 năm với 190 cặp đôi (380 người) đã chứng minh được căng thẳng mãn tính điều tiết mối quan hệ giữa độ hài lòng trong hôn nhân và mức độ biểu hiện trầm cảm. Cả hai tác giả cho rằng việc thu thập lượng cỡ mẫu lớn là một thế mạnh trong nghiên cứu của họ bởi vì nó sẽ cung cấp đủ sức mạnh thống kê cho các nghiên cứu có thiết kế đa biến, cũng như khi các biến kết quả được đo lường ở cấp độ liên tục, thứ tự hoặc phân loại/định danh [12]. Ngoài ra, yếu tố văn hóa và bối cảnh sinh sống tại Việt Nam có thể đã tạo nên nhiều khác biệt lớn. Nghiên cứu của tác giả Trần Thơ Nhị năm 2018 cũng đã cho thấy tỉ lệ các bà mẹ có sự hỗ trợ của người khác chiếm tỷ lệ phần trăm cao (95,3%) và những bà mẹ không được gia đình hỗ trợ sau sinh có nguy cơ bị trầm cảm cao gấp hơn 3 lần so với được gia đình hỗ trợ [13]. Nhận được sự trợ giúp của các thành viên khác trong gia đình có thể đã phân nào tác động và giúp những người mới làm mẹ có thể hoàn thành các trách nhiệm của mình một cách phù hợp mà không cảm thấy quá tải và kiệt quệ. Một yếu tố khác liên quan trực tiếp đến văn hóa Việt Nam đó là quan niệm vai trò của người phụ nữ trong

gia đình rất được đề cao, đặc biệt là khi trở thành một người mẹ. Khi họ nắm giữ rất nhiều kỳ vọng từ các thành viên, thậm chí còn được gửi vị trí điều hòa các mối quan hệ và xây dựng hạnh phúc trong gia đình [14] dường như điều này trở thành giá trị, niềm vui và trách nhiệm được mặc định.

Nghiên cứu mang ý nghĩa như một cơ sở gợi ý dẫn thiết thực để tiến hành các nghiên cứu sâu hơn, tuy nhiên nhà nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện trên một nhóm khách thể dễ tiếp cận nên chưa mang tính đại diện trên phổ rộng. Ngoài ra, nhóm mẫu trong nghiên cứu này có trình độ học vấn tương đối cao với 77% khách thể học trên trung học phổ thông (xem bảng 1) vậy nên có thể xem xét việc thực hiện nghiên cứu này trên nhóm dân số có trình độ học vấn thấp hơn. Mặt khác, đề tài cũng gặp hạn chế trong việc sử dụng hai thang đo mới chưa từng được chuyên ngữ hay thích nghi tại Việt Nam, hơn nữa nghiên cứu cũng chỉ dừng lại ở việc xác định các mối liên hệ giữa các yếu tố chưa thể khai thác sâu và rộng hơn những ảnh hưởng của các yếu tố này lên nhau. Trong tương lai, có thể mở rộng việc thích nghi tiến tới chuẩn hóa bảng hỏi về mối quan hệ và thang đo quá tải vai trò; tiếp tục hướng nghiên cứu sâu hơn về 3 yếu tố này ở bối cảnh văn hóa Việt Nam.

## 5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã tìm thấy được mối quan hệ giữa quá tải vai trò, độ hài lòng trong hôn nhân và mức độ biểu hiện trầm cảm ở những người lần đầu làm mẹ. Khi độ hài lòng trong hôn nhân càng giảm thì quá tải vai trò và mức độ biểu hiện trầm cảm càng tăng cao. Ngoài ra, quá tải vai trò càng cao thì mức độ biểu hiện trầm cảm càng cao. Nghiên cứu đề xuất xem xét các yếu tố văn hóa và bối cảnh sinh sống của những người phụ nữ trong giai đoạn chuyển đổi sang làm mẹ trong nền văn hóa tập thể điển hình là Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cowan PA, Cowan CP, Normative family transitions, couple relationship quality, and healthy child development. In F. Walsh (Ed.), *Normal family processes: Growing diversity and complexity* (pp. 428–451). The Guilford Press, 2012.
- [2] Möller K, Hwang P, Wickberg B, Couple relationship and transition to parenthood: Does workload at home matter? *Journal of Reproductive and Infant Psychology*, 26(1), 57–68, 2008. <https://doi.org/10.1080/02646830701355782>.
- [3] Costigan CL, Cox MJ, Cauce AM, Work-parenting linkages among dual-earner couples at the transition to parenthood. *Journal of Family Psychology*, 17(3), 2003, 397–408. <https://psycnet.apa.org/doi/10.1037/0893-3200.17.3.397>

- [4] Liu X, Wang S, Wang G, Prevalence and risk factors of Postpartum depression in Women: A systematic review and meta-analysis. *Journal of Clinical Nursing*, 31(19–20), 2021, 2665–2677. <https://doi.org/10.1111/jocn.16121>
- [5] Gavin NI, Gaynes BN, Lohr KN et al., Perinatal depression: A systematic review of prevalence and incidence. *Obstetrics & Gynecology*, 106(5 Part 1), 2005, 1071-1083. <https://doi.org/10.1097/01.aog.0000183597.31630.db>
- [6] Figueiredo B, Canário C, Tendais I et al., Couples' relationship affects mothers' and fathers' anxiety and depression trajectories over the transition to parenthood. *Journal of Affective Disorders*, 238, 2018, 204-212. <https://doi.org/10.1016/j.jad.2018.05.064>
- [7] Perry-Jenkins M., Goldberg AE., Pierce CP et al., Shift work, role overload, and the transition to parenthood. *Journal of Marriage and Family*, 69(1), 2007, 123-138. <https://psycnet.apa.org/doi/10.1111/j.1741-3737.2006.00349.x>
- [8] Tran TD, Tran T, La B et al., Screening for perinatal common mental disorders in women in the north of Vietnam: A comparison of three psychometric instruments. *Journal of Affective Disorders*, 133(1-2), 2011, 281-293. <https://doi.org/10.1016/j.jad.2011.03.038>
- [9] Hayes AF, Introduction to mediation, moderation, and conditional process analysis: A regression-based approach. Guilford Press, 2013
- [10] Norhayati MN, Hazlina NN, Asrenee AR et al., Magnitude and risk factors for postpartum symptoms: A literature review. *Journal of Affective Disorders*, 175, 2015, 34-52. <https://doi.org/10.1016/j.jad.2014.12.041>
- [11] Glynn K, Maclean H, Forte T et al., The association between role overload and women's mental health. *Journal of Women's Health*, 18(2), 2009, 217-223.
- [12] Vento P. W. P. D., & Cobb, R. J.. Chronic stress as a moderator of the association between depressive symptoms and marital satisfaction. *Journal of Social and Clinical Psychology*, 30(9), 2011, 905-936. <http://dx.doi.org/10.1521/jscp.2011.30.9.905>
- [13] Trần Thơ Nhị. Thực trạng trầm cảm và hành vi tìm kiếm hỗ trợ ở phụ nữ mang thai, sau sinh tại huyện Đông Anh. Hà Nội, Luận án tiến sĩ Y tế công cộng, 2018.
- [14] Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh. Tài liệu chuyên đề “Giao tiếp ứng xử văn hóa trong đời sống gia đình” – phần 1, 2010 <https://shorturl.asia/j6gPs>

